TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2023/DS-ST
Ngày: 05/5/2023.
"Về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Ông Trần Văn Tám

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:* Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST- DS, ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt N.

Trụ sở: Tầng 01 và tầng 02, Tòa nhà SaiLingTower - 111 A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Danh Hoài H, sinh năm 1991; địa chỉ số 243, đường Trần Phú, khu phố 1, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang *(văn bản ủy quyền ngày 21/9/2022) có mặt.*

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1970, bà Trương Thị Kim L, sinh năm 1968 (vợ ông Cho); địa chỉ ấp Minh K, xã Minh T, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G *(ông C, bà L vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn ông Danh Hoài H (sau đây gọi tắt là ông H) trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số: 0344.HĐTD.677.18 ngày 06/7/2018 của ngân hàng TMCP Quốc tế Việt N – Chi nhánh Kiên Giang – Phòng giao dịch Rạch Sỏi *(gọi tắt là ngân hàng)* thì vợ chồng ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L *(gọi tắt là ông C, bà L)* có vay của ngân hàng số tiền 187.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 07/7/2018 đến ngày 06/7/2023. Lãi suất trong hạn 12,69%/năm, lãi suất được phía ngân hàng điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ bản cộng biên độ 4,29%/năm và lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Hoàn trả nợ gốc hàng tháng vào ngày 15, trả trong 60 tháng, số nợ gốc trả mỗi tháng trong 59 tháng đầu là 3.110.000 đồng, tháng cuối trả 3.510.000 đồng, lần đầu trả vào ngày 15/8/2018. Hoàn trả hàng tháng ngày 15, kỳ đầu ngày 15/8/2018.

Tài sản thế chấp đối với khoản vay là 01 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vận tải xe ô tô số: 019926 do Phòng cảnh sát giao thông công an Kiên G cấp ngày 21/6/2018, biển số: 68C-093.35 đứng tên Trần Văn C; số khung: A21TJV201973; nhãn hiệu: SUZUKi; số loại: SK410k4/SGCD-TĐ; số máy: F10ADI733535; màu sơn trắng được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/7/2018 – Theo Hợp đồng thế chấp số: 0344.HĐTC.677.18 ngày 06/7/2018.

Tính đến ngày 05/5/2023 vợ chồng ông C, bà L thanh toán cho ngân hàng được số tiền 198.219.127 đồng (trong đó, gốc 139.950.000 đồng, lãi 58.269.127 đồng); còn lại nợ gốc 47.050.000 đồng và nợ lãi trong hạn 770.596 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.529.451 đồng, tổng cộng 55.350.047 đồng.

Đại diên của nguyên đơn ông H không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, yêu cầu bị đơn ông C, bà L trả cho ngân hàng số tiền 55.350.047 đồng (trong đó nợ gốc là 47.050.000 đồng và nợ lãi trong hạn 770.596 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.529.451 đồng) và yêu cầu tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 0344.HĐTC.677.18 ngày 06/7/2018, kể từ ngày 06/5/2023 đến khi vợ chồng ông C, bà L thanh toán dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn ông H yêu cầu vợ chồng ông C, bà L trả cho ngân hàng, tính đến ngày 05/5/2023 số tiền 55.350.047 đồng; yêu cầu tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 0344.HĐTC.677.18 ngày 06/7/2018 từ ngày 06/5/2023 đến khi vợ chồng ông C, bà L thanh toán dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo hợp đồng tín dụng số: 0344.HĐTD.677.18 ngày 06/7/2018 ông C, bà L có vay của ngân hàng số tiền 187.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vận tải xe ô tô số: 019926 do Phòng cảnh sát giao thông công an Kiên G cấp ngày 21/6/2018, biển số: 68C-093.35 đứng tên Trần Văn C - Theo Hợp đồng thế chấp số: 0344.HĐTC.677.18 ngày 06/7/2018.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng ông C, bà L đã thanh toán cho ngân hàng được số tiền 198.219.127 đồng (trong đó, gốc 139.950.000 đồng, lãi 58.269.127 đồng). Tính đến ngày 05/5/2023 vợ chồng ông C, bà L còn nợ ngân hàng gốc 47.050.000 đồng và nợ lãi trong hạn 770.596 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.529.451 đồng, tổng cộng 55.350.047 đồng. Do đó, việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, cho bà L là có căn cứ chấp nhận, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, buộc vợ chồng ông C, bà L trả cho ngân hàng, tổng cộng 55.350.047 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/5/2023 đến khi ông, bà tất toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX, nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông C, bà L không có yêu cầu phản tố, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét

xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn ông C, bà L.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ngân hàng với bị đơn ông C, bà L là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể, nguyên đơn ngân hàng yêu cầu bị đơn ông C, bà L trả tiền 55.350.047 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 06/5/2023 đến khi ông, bà thanh toán xong nợ.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, bởi các lý do sau: Theo hợp đồng tín dụng số 0344.HĐTD.677.18 của ngân hàng thì vợ chồng ông C, bà L có ký kết hợp đồng tín dụng để vay của ngân hàng số tiền 187.000.000 đồng *(Bút lục số: 21-22).* Đồng thời ông C, bà L có thế chấp cho ngân hàng là 01 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vận tải xe ô tô số: 019926 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Kiên G cấp ngày 21/6/2018, biển số: 68C-093.35 đứng tên Trần Văn C và được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/7/2018 – theo Hợp đồng thế chấp số: 0344.HĐTC.677.18 ngày 06/7/2018 *(Bút lục số: 09-16).* Sau đó ông C, bà L có thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và đã thanh toán cho phía nguyên đơn đến ngày 16/8/2022 được số tiền 198.219.127 đồng (trong đó, nợ gốc 139.950.000 đồng, nợ lãi 58.269.127 đồng).

Mặt khác, khi nguyên đơn khởi kiện Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ cho vợ chồng ông C, bà L nhiều lần và ghi rất rõ nguyên đơn ngân hàng yêu cầu ông C, bà L tính đến ngày 16/8/2022 trả nợ gốc là 47.050.000 đồng, nợ lãi 2.082.517 đồng và yêu cầu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 0344.HĐTD.677.18 ngày 06/7/2018 mà các bên đã ký, kể từ ngày 17/8/2022 đến khi thanh toán dứt nợ nhưng ông, bà không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án ban hành Quyết định yêu cầu bị đơn ông C, bà L cung cấp tài liệu, chứng cứ số: 04/2023/QĐ-CCTLCC ngày 01/3/2023 về việc nguyên đơn ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ vay gốc là lãi nêu trên nhưng bị đơn ông, bà không đến Tòa án để đối chất với ngân hàng về số nợ trên và bị đơn không có ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng, xem như mặc nhiên ông C, bà L thừa nhận có nợ nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên ông C, bà L có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

[4]. Về tài sản đảm bảo: Là 01 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vận tải xe ô tô số: 019926 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Kiên G cấp ngày

21/6/2018, biển số: 68C-093.35 tên Trần Văn C - Theo Hợp đồng thế chấp số: 0344.HĐTC.677.18 ngày 06/7/2018. Để đảm bảo cho việc thi hành án, Tòa án đã giải thích cho nguyên đơn về việc xem xét thẩm định đối với tài sản bảo đảm nhưng đại diện của nguyên đơn ông H không yêu cầu Tòa án thẩm định.

Nhận thấy, hợp đồng thế chấp tài sản giữa ngân hàng với bị đơn ông C, bà L được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/7/2018 theo Hợp đồng thế chấp số: 0344.HĐTC.677.18 ngày 06/7/2018. Do đó, nếu ông C, bà L không trả dứt nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên bán phát mãi tài sản đảm bảo là 01 chiếc xe vận tải ô tô số: 019926 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Kiên G cấp ngày 21/6/2018, biển số: 68C-093.35 đứng tên Trần Văn C theo Hợp đồng thế chấp số: 0344.HĐTC.677.18 ngày 06/7/2018, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[5]. Về án phí: Ông C, bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.767.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt N (VIB) được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.220.000 đồng (một triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0005760 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010.

Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 6, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt N - Người đại diện theo ủy quyền ông Danh Hoài H đối với bị đơn ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

2. Buộc vợ chồng ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt N số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày 05/5/2023 là 55.350.047 đồng (năm mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc là 47.050.000 đồng và nợ lãi trong hạn 770.596 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.529.451 đồng.

Ngoài ra, ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt N tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 0344.HĐTD.677.18 ngày 06/7/2018 kể từ ngày 06/5/2023 cho đến khi tất toán xong nợ.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt N mà ông C, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng kê biên bán phát mãi tài sản thế chấp 01 chiếc xe vận tải ô tô số: 019926 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Kiên G cấp ngày 21/6/2018; biển số: 68c-093.35 đứng tên Trần Văn C; số khung: A21TJV201973; nhãn hiệu: SUZUKi; số loại: SK410k4/SGCD-TĐ; số máy: F10ADI733535; màu sơn trắng được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/7/2018 – theo Hợp đồng thế chấp số: 0344.HĐTC.677.18 ngày 06/7/2018, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông C, bà L tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng đến khi thanh toán dứt nợ.

4. Sau khi ông C, bà L tất toán xong nợ, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt N có trách nhiệm trả lại cho ông C, bà L 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vận tải xe ô tô số: 019926 ngày 21/6/2018 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Kiên G, biển số 68C-093.35 đứng tên Trần Văn C (trừ trường hợp tài sản đảm bảo bị phát mãi).

5. Về án phí:

Vợ chồng ông Trần Văn C, bà Trương Thị Kim L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.767.000 đồng (hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt N (VIB) được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.220.000 đồng (một triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0005760 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã kỹ, đóng dấu)

Danh Hoàng